

Số: ~~6679~~ /QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới,
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm,
dịch vụ an ninh mạng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Nghị định số 10/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2026);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An ninh mạng tại Tờ trình số ~~11495~~/TTr-A05-P7 ngày 12 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an; các biểu mẫu (có danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính; các biểu mẫu cụ thể kèm theo). Bãi bỏ một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin mạng theo Quyết định số 1025/QĐ-BCA ngày 25 tháng 02 năm 2025 (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ju*

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Như Điều 4;
- Cổng dịch vụ công Bộ Công an;
- Lưu: VT, A05(P7).



Đại tướng Lương Tam Quang

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6679/QĐ-BCA ngày 20/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp mới trong lĩnh vực bảo đảm an ninh mạng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1		Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an ninh mạng	Cục An ninh mạng - Bộ Công an
2		Cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an ninh mạng	Cục An ninh mạng - Bộ Công an
3		Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an ninh mạng	Cục An ninh mạng - Bộ Công an
4		Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an ninh mạng	Cục An ninh mạng - Bộ Công an
5		Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an ninh mạng	Cục An ninh mạng - Bộ Công an

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo đảm an toàn thông tin mạng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	3.000339	Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự)	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an
2	3.000340	Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (trừ trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự)	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an
3	3.000341	Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an
4	3.000342	Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an
5	3.000343	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm,	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an

			dịch vụ an ninh mạng		
6	3.000344	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an
7	3.000345	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng	Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	Bộ Công an

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN NINH MẠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị thông tin, hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp) chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và xác nhận bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ và thông báo bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thông báo. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp không nộp đầy đủ hồ sơ thì được coi là hồ sơ không hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong đó nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

1.2. Cách thức thực hiện

- Trực tuyến: Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trực tiếp: Tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an (Lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

- Bưu chính: Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản kê khai danh sách nhân sự của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản sao căn cước, căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú hoặc thị thực còn thời hạn lưu trú tại Việt Nam (*trường hợp không tra cứu được thông tin trong hệ thống thông tin*). Số lượng: 01 (một) bản sao.

- Văn bằng, chứng chỉ hoặc tài liệu có giá trị tương đương chứng minh đáp ứng điều kiện về nhân sự. Số lượng: 01 (một) bản sao.

- Tài liệu thuyết minh hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ phù hợp với hoạt động và sản phẩm, dịch vụ đăng ký kinh doanh. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Phương án kinh doanh theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Phương án kỹ thuật theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Phương án dự phòng (nếu có). Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc tổ chức, doanh nghiệp có hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (Đối với tổ chức, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm an ninh mạng quy định tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 3 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng). Số lượng: 01 (một) bản chính.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục An ninh mạng - Bộ Công an thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và xem xét cấp Giấy

phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nếu hồ sơ đề nghị đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản từ chối cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục An ninh mạng - Bộ Công an.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng hoặc thông báo từ chối cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

1.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 152/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an ninh mạng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

- Bản kê khai danh sách nhân sự của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Phương án kinh doanh theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Phương án kỹ thuật theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị thông tin, hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp) chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và xác nhận bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ và thông báo bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thông báo. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp không nộp đầy đủ hồ sơ thì được coi là hồ sơ không hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong đó nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

2.2. Cách thức thực hiện

- Trực tuyến: Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trực tiếp: Tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an (Lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).
- Bưu chính: Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản mô tả chi tiết nội dung cấp đổi. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Tài liệu chứng minh các điều kiện đối với loại hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng tương ứng với đề nghị cấp đổi của doanh nghiệp (trong trường hợp sửa đổi tên tổ chức, doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp hoặc bổ sung, thay đổi sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng). Số lượng: 01 (một) bản sao.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục An ninh mạng - Bộ Công an thẩm định hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và xem xét cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nếu hồ sơ đề nghị đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản từ chối cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục An ninh mạng - Bộ Công an.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng hoặc thông báo từ chối cấp đổi giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

2.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 152/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an ninh mạng.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị thông tin, hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp) chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và xác nhận bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ và thông báo bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp

ng nghiệp trên công dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thông báo. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp không nộp đầy đủ hồ sơ thì được coi là hồ sơ không hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên công dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong đó nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

3.2. Cách thức thực hiện

- Trực tuyến: Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trực tiếp: Tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an (Lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội).
- Bưu chính: Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Bản mô tả chi tiết nội dung cấp lại. Số lượng: 01 (một) bản chính.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục An ninh mạng - Bộ Công an thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nếu hồ sơ đề nghị đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản từ chối cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục An ninh mạng - Bộ Công an.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng hoặc thông báo từ chối cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

3.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 152/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an ninh mạng.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Bản khai lý lịch kèm theo các giấy tờ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, người quản lý tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

4. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

4.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị thông tin, hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp) chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và xác nhận bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ và thông báo bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thông báo. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp không nộp đầy đủ hồ sơ thì được coi là hồ sơ không hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong đó nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

4.2. Cách thức thực hiện

- Trực tuyến: Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trực tiếp: Tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an (Lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).
- Bưu chính: Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.
- Báo cáo hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất. Số lượng: 01 (một) bản chính.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục An ninh mạng - Bộ Công an thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và xem xét gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nếu hồ sơ đề nghị đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện

thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản từ chối gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục An ninh mạng - Bộ Công an.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng hoặc thông báo từ chối gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

4.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 152/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an ninh mạng..

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

5. Thủ tục: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng

5.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị thông tin, hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp) chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và xác nhận bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của tổ chức,

doanh nghiệp theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ và thông báo bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thông báo. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp không nộp đầy đủ hồ sơ thì được coi là hồ sơ không hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản hoặc qua tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công hoặc địa chỉ thư điện tử (nếu có) theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong đó nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

5.2. Cách thức thực hiện

- Trực tuyến: Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trực tiếp: Tại Cục An ninh mạng - Bộ Công an (Lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Đường Đình Ngệ, Cầu Giấy, Hà Nội).
- Bưu chính: Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản chính.

- Tài liệu chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực an ninh mạng. Số lượng: 01 (một) bản sao.

- Tài liệu chứng minh mục đích, đối tượng nhập khẩu gồm hợp đồng thương mại với đối tượng dùng cuối, tài liệu chứng minh mục đích nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, bảo hành. Số lượng: 01 (một) bản sao.

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục An ninh mạng - Bộ Công an thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng và xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nếu hồ sơ đề nghị đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện

thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản từ chối gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục An ninh mạng - Bộ Công an.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng hoặc thông báo từ chối cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng.

5.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 152/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an ninh mạng.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 332/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

PHẦN III. CÁC MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI

STT	Tên biểu mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 01	Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng
2	Mẫu số 02	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng
3	Mẫu số 03	Văn bản đề nghị cấp/cấp đổi/cấp lại/gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng
4	Mẫu số 04	Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng
5	Mẫu số 05	Bản khai lý lịch
6	Mẫu số 06	Bản kê khai danh sách nhân sự
7	Mẫu số 07	Phương án kỹ thuật
8	Mẫu số 08	Phương án kinh doanh
9	Mẫu số 09	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng
10	Mẫu số 10	Phiếu tiếp nhận hồ sơ
11	Mẫu số 11	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
12	Mẫu số 12	Thông báo từ chối cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng